

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 08/CV-2025 ngày 28/02/2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng theo nội dung Biên bản họp Đoàn kiểm tra ngày 20/8/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-SNNMT ngày 18/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng, địa chỉ Số 06 đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng, tại Số 06 đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opMart Sóc Trăng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 06 đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 2200271882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/8/2024.

1.4. Mã số thuế: 2200271882.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh tổng hợp, cho thuê mặt bằng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích: 9.155,1 m².

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Sài Gòn - Sóc Trăng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21 tháng 3 năm 2025 đến ngày 21 tháng 3 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung được cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV TM Sài Gòn - Sóc Trăng;
- Sở NN&MT;
- UBND TPST;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT-1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26/GPMT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải từ các khu vực sơ chế, chế biến thực phẩm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước trên đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, sau đó thải vào rạch Trà Men và thải ra sông Maspero.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hố ga tiếp nhận nước thải trên đường Hùng Vương (kích thước hố ga 1,2m x 1,2m x 1,2m).
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 6°): X= 1063027; Y= 551309.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 70 m³/ngày đêm; 2,91 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo ống nhựa PVC Ø60, dài 102,5 m vào hố ga thoát nước thải (1,2 m x 1,2 m x 1,2 m) trên đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng; sau đó, thải vào rạch Trà Men và thải ra sông Maspero.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số K= 1,0), cụ thể như sau:



Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề xuất của chủ cơ sở)	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh (được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn); sau đó, theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các khu vực sơ chế, chế biến thực phẩm được thu gom, xử lý sơ bộ qua thiết bị tách dầu mỡ; sau đó, theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01 và số 02 đã xử lý sơ bộ) → Hồ thu → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học (Aerotan) → Bể MBR → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế:

+ 01 bể tự hoại 03 ngăn có tổng dung tích là 179,6 m³.

+ 04 thiết bị tách dầu mỡ có dung tích là $0,096 \text{ m}^3/\text{thiết bị}$.
 + Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất là $70 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaCl, mật đường, Clorine (dạng bột) (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế, trang bị các máy bơm dự phòng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào nhật ký vận hành hàng ngày.

- Thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố; bố trí van, hệ thống hoàn lưu nước thải sau xử lý về bể điều hòa trong thời gian khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Phần A Phụ lục này: Nước thải được bơm trở lại bể điều hòa, rà soát toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, xác định nguyên nhân sự cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Nhân viên vận hành khẩn trương kiểm tra các thiết bị và bể xử lý nước thải để tìm nguyên nhân, tổ chức khắc phục sự cố; điều tiết hoạt động, giảm lượng nước thải phát sinh. Khi xảy ra sự cố, nước thải được lưu chứa tại các bể xử lý, không xả ra môi trường, thời gian lưu chứa khoảng 72 giờ. Trường hợp chưa thể khắc phục sự cố trong khoảng thời gian này, cơ sở có trách nhiệm bố trí thiết bị, phương tiện để lưu chứa tạm thời lượng nước thải phát sinh, không để nước thải chưa qua xử lý xả ra môi trường và thông báo cho cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như



đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26/GPMT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng 01.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng 02.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

2.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

Stt	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

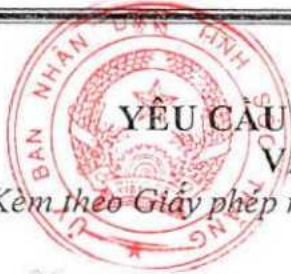
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt máy móc, thiết bị trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.
- Thường xuyên bảo trì các thiết bị tại cơ sở để đảm bảo hoạt động tốt, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26/GPMT-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Stt	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	2
Tổng khối lượng			20

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì carton, giấy, bọc nylon,...	13.320
2	Sản phẩm hết hạn, không đủ tiêu chuẩn	20
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	720
4	Dầu mỡ thải	900
Tổng khối lượng		14.960

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	665

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Khu vực lưu chứa có kết cấu nền lát gạch, tường xây gạch, có gờ chống tràn để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có thiết bị phòng cháy, chữa

cháy, có rãnh và hố thu gom chất lỏng chảy tràn; có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m^2 .

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có kết cấu khung cột bê tông cốt thép kết hợp khung thép tiền chế, nền bê tông, vách tường và mái tole. Diện tích khu vực lưu chứa: $24,8 \text{ m}^2$.

- Khu vực lưu chứa sản phẩm hết hạn, không đủ tiêu chuẩn có kết cấu khung thép tiền chế, nền lát gạch, vách kính và mái tole. Diện tích khu vực lưu chứa: $9,9 \text{ m}^2$.

- Bể chứa bùn có kết cấu bê tông cốt thép, nắp đậy kín. Diện tích khu vực lưu chứa $3,1 \text{ m}^2$, dung tích lưu chứa: $9,3 \text{ m}^3$.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa có kết cấu nền lát gạch, vách tường, mái lợp tole.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 27 m^2 .

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26/GPMT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; trong đó, cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các văn bản khác nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.